

TỔNG CỤC THUẾ

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KÊ KHAI, NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Theo phương pháp khấu trừ thuế)

Hà Nội, tháng 6/2009

LỜI GIỚI THIỆU

Luật Quản lý thuế được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2007, được coi là một bước tiến quan trọng trong công tác cải cách thủ tục hành chính về quản lý thuế và các khoản phải thu nộp ngân sách nhà nước. Luật này đã điều chỉnh thống nhất về quản lý thuế đối với toàn bộ các loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước (gọi chung là thuế). Các thủ tục hành chính thuế được quy định đơn giản, rõ ràng và minh bạch giúp người nộp thuế dễ dàng hơn trong việc kê khai thuế, đồng thời nâng cao trách nhiệm và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế.

Luật Quản lý thuế được ban hành cũng tạo điều kiện cho việc áp dụng cơ chế quản lý thuế tiên tiến, hiện đại theo đó người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với thông lệ quản lý thuế quốc tế.

Để giúp người nộp thuế hiểu cụ thể hơn về Luật Quản lý thuế, Chính phủ đã ban hành nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

Với mục tiêu giúp người nộp thuế hiểu và dễ dàng hơn trong việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế của mình theo quy định của Luật thuế GTGT và Luật Quản lý thuế, Tổng cục Thuế xây dựng tài liệu **Hướng dẫn kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ** thực hiện theo thông tư 60/2007/TT-BTC nêu trên của Bộ Tài chính. Tài liệu này cũng được hướng dẫn phù hợp với quy trình hạch toán kê khai thuế của người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ là căn cứ các hoá đơn, chứng từ để lập bảng kê, bảng phân bổ, từ đó tổng hợp lập tờ khai thuế GTGT và hồ sơ khai thuế GTGT. Tuy nhiên, để có thể lập hồ sơ khai thuế GTGT một cách chính xác, đầy đủ, NNT cũng cần nghiên cứu các quy định về chính sách thuế GTGT tại các văn bản pháp luật về thuế GTGT và các văn bản có liên quan theo danh mục văn bản ở phần cuối tài liệu này.

Người nộp thuế có thể tìm tài liệu này tại cơ quan thuế địa phương hoặc tìm trên trang Website của ngành thuế theo địa chỉ: www.gdt.gov.vn

Mọi góp ý về nội dung tài liệu xin gửi về:

Ban Hỗ trợ NNT - Tổng cục thuế

Số 123 – Lò Đúc - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

MỤC LỤC

PHẦN A: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
I. ĐỐI TƯỢNG CHIU THUẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GTGT.....	5
II. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHAI THUẾ GTGT.....	5
PHẦN B: HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT.....	15
I. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA - MẪU SỐ 01-1/GTGT (PHỤ LỤC 2).....	15
II. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO MẪU SỐ 01-2/GTGT (PHỤ LỤC 3).....	19
III. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HOÁ DỊCH VỤ MUA VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ TRONG KỲ MẪU SỐ 01-4A/GTGT (PHỤ LỤC 5).....	24
IV. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT ĐẦU VÀO PHÂN BỐ ĐƯỢC KHẤU TRỪ NĂM - MẪU SỐ 01-4B/GTGT (PHỤ LỤC 6).....	30
V. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐÃ NỘP CỦA DOANH THU KINH DOANH XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT, BÁN HÀNG VĂNG LAI NGOẠI TỈNH MẪU SỐ 01-5/GTGT (PHỤ LỤC 7).....	35
VI. HƯỚNG DẪN LẬP BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT	36
VII. HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MẪU SỐ 01/GTGT (PHỤ LỤC 1).....	53
VIII. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT DÀNH CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ - MẪU SỐ 02/GTGT.....	64
IX. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂNG LAI NGOẠI TỈNH.....	67
X. HƯỚNG DẪN KHAI THUẾ GTGT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ.....	69
PHẦN C: HƯỚNG DẪN NỘP THUẾ GTGT.....	71
I. THỜI HẠN NỘP THUẾ.....	71
II. ĐỒNG TIỀN NỘP THUẾ.....	71
III. ĐỊA ĐIỂM NỘP THUẾ.....	71
IV. THỦ TỤC NỘP THUẾ.....	72
V. THỦ TỤC THANH TOÁN TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT.....	72
VI. XÁC ĐỊNH NGÀY ĐÃ NỘP THUẾ.....	73
VII. GIẢ HẠN NỘP THUẾ.....	73
VIII. XỬ LÝ SỐ TIỀN THUẾ NỘP THỪA.....	76
IX. MỤC LỤC NGÂN SÁCH.....	76

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT VÀ DANH MỤC PHỤ LỤC

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT

GTGT: giá trị gia tăng

HHDV: hàng hoá dịch vụ

NNT: người nộp thuế

SXKD: sản xuất kinh doanh

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính)

- Phụ lục 1: Tờ khai thuế GTGT - mẫu số 01/GTGT
- Phụ lục 2: Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra - mẫu số 01-1/GTGT
- Phụ lục 3: Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào - mẫu số 01-2/GTGT
- Phụ lục 4: Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh - mẫu số 01-3/GTGT
- Phụ lục 5: Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ - mẫu số 01-4A/GTGT
- Phụ lục 6: Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm - mẫu số 01-4B/GTGT
- Phụ lục 7: Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoài tỉnh - mẫu số 01-5/GTGT
- Phụ lục 8: Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư - mẫu số 02/GTGT
- Phụ lục 9: Tờ khai thuế GTGT tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoài tỉnh - mẫu số 06/GTGT
- Phụ lục 10: Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh - mẫu số 01/KHBS
- Phụ lục 11: Đăng ký áp dụng phương pháp tính thuế GTGT - mẫu số 07/GTGT

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KÊ KHAI, NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ

PHẦN A: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GTGT

1. Đối tượng chịu thuế GTGT

Đối tượng chịu thuế GTGT là HHDV dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả HHDV mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của luật thuế GTGT.

2. Đối tượng nộp thuế GTGT

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT ở Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT, và các tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, làm thủ tục về thuế thay đổi đối tượng nộp thuế theo qui định tại khoản 1.c Điều 2 của Luật Quản lý thuế đều là đối tượng nộp thuế GTGT. Sau đây gọi chung là người nộp thuế (NNT).

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

II. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHAI THUẾ GTGT

1. Nguyên tắc tính thuế, khai thuế GTGT

1.1. NNT phải tính số tiền thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước, trừ trường hợp cơ quan thuế ấn định thuế hoặc tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

1.2. NNT phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế với cơ quan thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế.

1.3. Nếu trong kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc NNT đang thuộc diện được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thì NNT vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp đã chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế.

1.4. Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là loại khai thuế theo tháng và khai thuế GTGT tạm tính theo từng lần phát sinh đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoài tỉnh;

Đối với tờ khai thuế GTGT tháng, kỳ tính thuế đầu tiên được tính từ ngày bắt đầu hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế đến ngày cuối cùng của tháng, kỳ tính thuế cuối cùng được tính từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày kết thúc hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế.

Ví dụ:

Doanh nghiệp A bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh nghĩa vụ thuế từ ngày 05/07/2007 thì kỳ tính thuế đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/07/2007 đến hết ngày 31/07/2007.

Doanh nghiệp B kết thúc hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế vào ngày 25/12/2007 thì kỳ tính thuế cuối cùng được xác định từ ngày 01/12/2007 đến ngày 25/12/2007.

2. Hồ sơ khai thuế GTGT

Hồ sơ khai thuế bao gồm tờ khai thuế và các tài liệu liên quan làm căn cứ để NNT khai thuế, tính thuế với cơ quan thuế.-

NNT phải sử dụng đúng mẫu tờ khai thuế và các mẫu phụ lục kèm theo tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế. Đối với một số loại giấy tờ trong hồ sơ thuế mà Bộ Tài chính không ban hành mẫu thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế gồm:

- Tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT (xem phụ lục 1);
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra theo mẫu số 01-1/GTGT (xem phụ lục 2);
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT (xem phụ lục 3);
- Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01-3/GTGT (xem phụ lục 4);
- Bảng phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ theo mẫu số 01-4A/GTGT (xem phụ lục 5);
- Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm theo mẫu số 01-4B/GTGT (xem phụ lục 6);

- Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoài tỉnh theo mẫu số 01-5/GTGT (xem phụ lục 7).

Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới phát sinh thuế đầu vào nhưng chưa phát sinh thuế đầu ra thì NNT lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư. Hồ sơ khai thuế GTGT tháng của dự án đầu tư bao gồm:

- Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư theo mẫu số 02/GTGT (xem phụ lục 8);

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT (xem phụ lục 3).

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và các trường hợp sử dụng theo từng loại hồ sơ khai thuế nêu trên được thể hiện theo Biểu sau:

HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG CỤ THỂ

(Các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài Chính)

TT	MẪU TỜ KHAI/MẪU BIỂU	TÊN TỜ KHAI/MẪU BIỂU	TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG	THỜI HẠN NỘP
1	01/GTGT	Tờ khai thuế GTGT	Tất cả các trường hợp	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế
2	01-1/GTGT	Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra	Tất cả các trường hợp	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế (kèm theo tờ khai 01/GTGT)
3	01-2/GTGT	Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào	Tất cả các trường hợp	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế (kèm theo tờ khai 01/GTGT, 02/GTGT)
4	01/KHBS	Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh	Khi có các khoản điều chỉnh thuế GTGT đã kê khai từ các kỳ trước	Ngày khi lập hồ sơ nhưng trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở NNT
5	01-3/GTGT	Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh	Khi có các khoản điều chỉnh thuế GTGT đã kê khai các kỳ trước	Ngày khi lập hồ sơ nhưng trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở NNT (kèm theo tờ khai 01/GTGT)
6	01-4A/GTGT	Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ	NNT kinh doanh cả hai loại HHDV chịu thuế GTGT và HHDV không chịu thuế GTGT nhưng không hạch toán riêng được	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế (kèm theo tờ khai 01/GTGT)

7	01-4B/GTGT	Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm	NNT kinh doanh cả hai loại HHDV chịu thuế GTGT và HHDV không chịu thuế GTGT nhưng không hạch toán riêng được.	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng 4 năm sau (cùng với tờ khai 01/GTGT tháng 3 năm sau)
8	01-5/GTGT	Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh, xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh	NNT có hoạt động kinh doanh, xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế (Cùng với tờ khai thuế 01/GTGT)
9	06/GTGT	Tờ khai thuế GTGT tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh	NNT có hoạt động kinh doanh, xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh	Chậm nhất là ngày thứ mười kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế trong trường hợp phát sinh nhiều lần theo tháng
10	02/GTGT	Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư	NNT có dự án đầu tư đã phát sinh thuế đầu vào nhưng chưa phát sinh thuế đầu ra	Chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế

3. Hồ sơ khai thuế hợp lệ

Hồ sơ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

- Hồ sơ có đầy đủ tài liệu theo quy định về hồ sơ khai thuế đã quy định đối với từng trường hợp cụ thể
- Tờ khai và các mẫu biểu kèm theo được lập đúng mẫu quy định.
- Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại... của NNT theo quy định.
- Được người đại diện theo pháp luật của NNT ký tên và đóng dấu vào cuối của các mẫu biểu theo quy định.

4. Hồ sơ khai thuế bổ sung

NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhằm lẫn gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung được lập và nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở NNT.

4.1- Trường hợp khai bổ sung, điều chỉnh dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp giảm số thuế được khấu trừ, được hoàn thì NNT phải khai bổ sung, điều chỉnh theo mẫu số 01/KHBS, đồng thời phải nộp số thuế tăng thêm và số tiền phạt chậm nộp phát sinh theo số thuế tăng thêm, không phản ánh số thuế GTGT điều chỉnh tăng thêm vào tờ khai thuế GTGT. **Thời điểm xác định phạt chậm nộp được tính sau ngày thứ 20 của tháng có số liệu bổ sung, điều chỉnh đến ngày NNT nộp số tiền thuế đó vào NSNN.** Mỗi kỳ tính thuế cần bổ sung, điều chỉnh, NNT lập bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01/KHBS.

Riêng trường hợp khai sót hoá đơn GTGT đầu vào **chưa quá 6 tháng** kể từ tháng phát sinh thì không phải lập 01/KHBS mà khai vào bảng kê 01-2/GTGT của kỳ phát hiện sót.

- Hồ sơ khai thuế bổ sung, điều chỉnh trong trường hợp này bao gồm:
 - + Bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01/KHBS.
 - + Tờ khai tương ứng với tờ khai cần điều chỉnh (mẫu 01/GTGT, 02/GTGT, 06/GTGT).
 - + Tài liệu giải thích kèm theo bản giải trình.

Ví dụ 1:

- Kỳ tính thuế tháng 2/2008, NNT đã kê khai thuế GTGT có số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 120 triệu đồng.

- Ngày 20/7/2008, NNT kê khai tờ khai thuế GTGT cho kỳ tính thuế tháng 6/2008, đồng thời NNT khai bổ sung, điều chỉnh thuế GTGT của kỳ tính thuế tháng 2/2008 do khai thiếu 01 hoá đơn đầu ra có số thuế là 150 triệu đồng.

- Sau khi khai điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra 150 triệu đồng thì tổng số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tháng 2/2008 là 30 triệu đồng (150 triệu đồng – 120 triệu đồng); NNT phải nộp ngay số thuế 30 triệu đồng vào NSNN và tính phạt chậm nộp trên số thuế thiếu 30 triệu đồng từ ngày 21/3/2008 đến ngày nộp số tiền thuế thiếu vào NSNN.

Ví dụ 2:

- Kỳ tính thuế tháng 2/2008, NNT kê khai thuế GTGT có số thuế phải nộp là 120 triệu đồng.

- Ngày 20/7/2008, NNT kê khai tờ khai thuế GTGT tháng 6/2008, đồng thời NNT khai bổ sung, điều chỉnh thuế GTGT của kỳ tính thuế tháng 2/2008 do khai thiếu 01 hoá đơn đầu ra có số thuế là 50 triệu đồng.

- Sau khi khai điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra 50 triệu đồng thì tổng số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tháng 2/2008 là 170 triệu đồng (120 triệu đồng + 50 triệu đồng). Như vậy, NNT phải nộp ngay số tiền 50 triệu đồng vào NSNN và bị phạt chậm nộp tiền thuế trên số thuế 50 triệu đồng, thời điểm phạt chậm nộp tính từ ngày 21/3/2008 đến ngày nộp số tiền thuế đó vào NSNN.

4.2- Trường hợp NNT khai bổ sung, điều chỉnh nhưng không làm tăng số tiền thuế phải nộp của kỳ có số liệu bổ sung, điều chỉnh thì NNT không phải nộp bổ sung số thuế sau kê khai bổ sung, điều chỉnh, không tính phạt chậm nộp tiền thuế. NNT bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế.

NNT thực hiện điều chỉnh vào tờ khai thuế của kỳ phát hiện sai sót để bù trừ hoặc bổ sung vào số thuế phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế phát hiện sai sót (không phải nộp hồ sơ khai thuế bổ sung riêng).

Ví dụ:

- Kỳ tính thuế tháng 2/2008, NNT kê khai thuế GTGT có số thuế được khấu trừ chuyển sang kỳ sau là 120 triệu đồng.

- Ngày 20/7/2008, NNT kê khai tờ khai thuế GTGT cho kỳ tính thuế tháng 6/2008, đồng thời NNT khai bổ sung, điều chỉnh thuế GTGT của kỳ tính thuế tháng 2/2008 do khai trùng hoá đơn đầu vào có số thuế đầu vào trị giá 50 triệu đồng.

- Sau khi khai điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào 50 triệu đồng thì tổng số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tháng 2/2008 (tháng có số liệu khai bổ sung, điều chỉnh) vẫn còn số thuế được khấu trừ là 70 triệu đồng (120 triệu đồng – 50 triệu đồng) (vẫn còn âm, không làm tăng số thuế GTGT phải nộp). NNT không phải nộp bổ sung số thuế sau kê khai bổ sung, điều chỉnh và không tính phạt chậm nộp tiền thuế.

5. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế GTGT

NNT nộp hồ sơ khai thuế tại các địa điểm theo quy định như sau:

5.1. Nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5.2. Trường hợp NNT có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh cùng nơi NNT có trụ sở chính:

- Nếu đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc.

- Nếu đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì NNT thực hiện khai thuế GTGT chung cho cả đơn vị trực thuộc.

Nếu đơn vị hạch toán phụ thuộc có con dấu, tài khoản tiền gửi ngân hàng, trực tiếp bán HHDV và xác định được số thuế GTGT đầu vào, đầu ra một cách chính xác thì có thể được kê khai nộp thuế riêng. Để được kê khai nộp thuế riêng đơn vị phải đăng ký với cơ quan thuế.

5.3. Trường hợp NNT có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính:

- Đơn vị trực thuộc trực tiếp nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc.

- Nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của NNT.

5.4. Trường hợp NNT có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính (sau đây gọi chung là kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh) thì NNT phải nộp hồ sơ khai thuế cho chi cục thuế quản lý tại địa phương nơi có hoạt động xây dựng, lắp đặt vãng lai đó.

Ví dụ:

Công ty TNHH Hà Thành là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, công ty có trụ sở chính tại Hà Nội.

Năm 2007 Công ty có ký hợp đồng với Công ty du lịch Viễn Đông để xây một khách sạn tại thị xã Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh.

Công ty TNHH Hà Thành không có đơn vị trực thuộc tại Quảng Ninh, như vậy hồ sơ khai thuế phát sinh trong quá trình xây dựng khách sạn tại Cẩm Phả sẽ được nộp cho Chi cục Thuế thị xã Cẩm Phả.

5.5. Trường hợp NNT có công trình xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh liên quan đến nhiều địa phương như: xây dựng đường giao thông, đường dây tải điện... không xác định được doanh thu của công trình ở từng địa phương cấp huyện thì NNT khai thuế GTGT của doanh thu xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh chung với hồ sơ khai thuế GTGT tại trụ sở chính của NNT.

5.6. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải thực hiện nộp hồ sơ khai thuế GTGT của hoạt động kinh doanh vận tải với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5.7. Trường hợp NNT kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì NNT phải nộp thuế GTGT tại địa phương nơi có trụ sở chính và địa phương nơi có cơ sở sản xuất.

- Cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc có hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất, khi xuất bán thành phẩm hoặc sản phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hoá đơn GTGT làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

- Trường hợp cơ sở sản xuất phụ thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì NNT tại trụ sở chính phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất. Số thuế GTGT NNT đã nộp cho cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc được trừ vào số thuế GTGT phải nộp của NNT tại địa phương nơi đóng trụ sở chính.

6. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế GTGT

- NNT không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì được thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.

- Thời gian gia hạn không quá ba mươi ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế GTGT tháng, khai thuế GTGT theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế, kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế.

- NNT phải gửi đến cơ quan thuế nơi nhận hồ sơ khai thuế văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trước khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc công an xã, phường, thị trấn nơi phát sinh trường hợp được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.

PHẦN B: HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT

HỒ SƠ khai thuế GTGT bao gồm tờ khai thuế, các bảng kê, bảng phân bổ và tài liệu liên quan theo hướng dẫn tại điểm 3 phần A tài liệu này.

Lập hồ sơ khai thuế, NNT cần căn cứ các hoá đơn, chứng từ mua vào bán ra, lập các bảng kê, bảng phân bổ sau đó lấy số liệu từ bảng kê, bảng phân bổ và các tài liệu liên quan để lập các tờ khai thuế GTGT.

HỒ SƠ khai thuế phải ghi rõ khai thuế cho kỳ kê khai nào (tháng... năm...). Các chỉ tiêu về thông tin định danh của NNT như tên NNT, **Mã số thuế, Địa chỉ, Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail** phải ghi đầy đủ theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT.

Các số liệu kê khai: Số tiền ghi trên HỒ SƠ khai thuế làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Các chỉ tiêu không có số liệu thì bỏ trống không ghi. Nếu kết quả tính toán các chỉ tiêu nhỏ hơn 0 thì phần số liệu ghi được để trong ngoặc (...).

Cách lập các bảng kê, bảng phân bổ, tờ khai thuế cụ thể như sau:

I. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA - MẪU SỐ 01-1/GTGT (PHỤ LỤC 2)

NNT phải lập Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra trong kỳ tính thuế để làm căn cứ lập Tờ khai thuế GTGT. Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra được lập theo mẫu số 01-1/GTGT (xem phụ lục 2) ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính.

1. Căn cứ để lập bảng kê: Căn cứ để lập bảng kê là hoá đơn GTGT HHDV bán ra trong kỳ tính thuế, NNT kê khai toàn bộ hoá đơn GTGT đã xuất bán trong kỳ, bao gồm cả các hoá đơn đặc thù như tem, vé, hoá đơn điều chỉnh, hoá đơn xuất trả lại hàng.

Riêng đối với các khoản phí, lệ phí không kê vào bảng kê này (kể cả phí xăng dầu).

2. Cách phản ánh ghi chép vào các dòng, cột trên Bảng kê 01-1/GTGT.

- Bảng kê được lập hàng tháng, căn cứ vào hoá đơn, chứng từ bán ra để ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê.

- Hoá đơn GTGT được ghi vào bảng kê theo nhóm chỉ tiêu HHDV không chịu thuế GTGT, HHDV có thuế suất GTGT 0%, thuế suất 5% và thuế suất 10%.

- Trường hợp trên 1 hoá đơn ghi chung cho nhiều mặt hàng thì ở cột “mặt hàng” - cột (7) có thể ghi 1 số mặt hàng chiếm doanh số chủ yếu của hoá đơn.

- Đối với hoá đơn điều chỉnh giảm cho các hoá đơn đã xuất thì ghi số giá trị âm bằng cách để trong ngoặc (...).

Chỉ tiêu 1 “HHDV không chịu thuế GTGT”:

Các hoá đơn bán HHDV không chịu thuế GTGT ghi vào nhóm này.

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 11) ghi theo nội dung của từng hoá đơn.

- Cột (8) doanh số bán chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế của HHDV không chịu thuế. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [26] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

- Cột (9) - thuế suất, cột (10) thuế GTGT không ghi và bỏ trống.

Chỉ tiêu 2 “HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 0%”:

Toàn bộ hoá đơn GTGT HHDV có thuế suất thuế GTGT 0% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được ghi trong chỉ tiêu này.

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 11) ghi theo nội dung tương ứng của từng hoá đơn.

- Cột (8) doanh số bán chưa có thuế, ở dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV loại có thuế suất 0%. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [29] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

- Cột (9), cột (10) không ghi và bỏ trống.

Chỉ tiêu 3 “HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 5%”:

Toàn bộ hoá đơn HHDV loại thuế suất thuế GTGT 5% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được ghi trong chỉ tiêu này.

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 11) ghi theo nội dung tương ứng của từng hoá đơn.

- Cột (8) doanh số chưa có thuế, ở dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV loại có thuế suất thuế GTGT 5%. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [30] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp giá bán ghi trên hoá đơn đặc thù là giá đã có thuế GTGT thì căn cứ giá bán có thuế GTGT để tính ra giá bán chưa có thuế GTGT theo công thức:

$$\text{Doanh số bán chưa thuế GTGT} = \frac{\text{Giá bán ghi trên hoá đơn}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Cột (9) - thuế suất ghi 5%.

- Cột (10) là số thuế GTGT của HHDV bán ra ($10 = 8 \times 9$). Tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 5% dùng để ghi vào chỉ tiêu [31] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Chỉ tiêu 4 “HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 10%”:

Toàn bộ hoá đơn HHDV loại thuế suất thuế GTGT 10% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được liệt kê trong chỉ tiêu này.

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 11) ghi theo nội dung tương ứng của từng hoá đơn.

- Cột (8) doanh số bán chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV loại thuế suất thuế GTGT 10%. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [32] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp giá bán ghi trên hoá đơn đặc thù là giá đã có thuế GTGT thì căn cứ giá bán có thuế GTGT để tính ra giá bán chưa có thuế GTGT theo công thức:

$$\text{Doanh số bán chưa thuế GTGT} = \frac{\text{Giá bán ghi trên hoá đơn}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Cột (9) - thuế suất ghi 10%

- Cột (10) là số thuế GTGT của HHDV bán ra ($10 = 8 \times 9$). Tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 10% dùng để ghi vào chỉ tiêu [33] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Chỉ tiêu “Tổng doanh thu HHDV bán ra”:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại cột 8, dòng tổng số của các loại: HHDV không chịu thuế GTGT, HHDV thuế suất thuế GTGT 0%, 5% và 10%. Tổng doanh thu HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [24] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Chỉ tiêu “Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra”:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại cột 10, dòng tổng số của các loại: HHDV có thuế suất thuế GTGT 0%, 5% và 10%. Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [25] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

II. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO MẪU SỐ 01-2/GTGT (PHỤ LỤC 3)

NNT phải lập Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào trong kỳ tính thuế để làm căn cứ lập Tờ khai thuế GTGT. Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào được lập theo mẫu số 01-2/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính (xem phụ lục 3) và hướng dẫn tại công văn số 3267/TCT-CS ngày 14/8/2007 của Tổng cục Thuế.

1. Căn cứ lập bảng kê:

Căn cứ để lập bảng kê là các hoá đơn GTGT, chứng từ, biên lai nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu của HHDV mua vào trong kỳ tính thuế bao gồm cả hoá đơn GTGT đặc thù như tem vé, hoá đơn nhận lại hàng do người mua trả lại hàng, chứng từ nộp thay thuế GTGT cho nhà thầu nước ngoài. Các hoá đơn bán hàng thông thường (không phải hoá đơn GTGT), hoá đơn bất hợp pháp và hoá đơn quá **6 tháng** chưa kê khai thì không ghi vào bảng kê này.

Lưu ý: - Đối với hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng mới được kê khai thuế GTGT. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Các chứng từ sau đây không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính:

- + **Chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.**
- + **Chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.**

- Đối với các hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ ký trước ngày 01/01/2009, bên mua đã tạm ứng tiền trước ngày 01/01/2009 phù hợp với quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì vẫn được kê khai thuế GTGT vào bảng kê đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hoá đơn có giá thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên tương ứng với số tiền đã tạm ứng. Trường hợp sau khi bù trừ tiền tạm ứng trước ngày 01/01/2009, phần thanh toán còn lại có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên chỉ được kê khai thuế GTGT đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

2. Cách phản ánh và ghi các chỉ tiêu dòng cột cụ thể trên bảng kê:

- Bảng kê được lập hàng tháng, căn cứ nội dung các hoá đơn để ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê.

- Hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào được tập hợp vào bảng kê theo từng nhóm: HHDV dùng riêng cho sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT, không chịu thuế GTGT, dùng chung cho sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT, HHDV dùng cho dự án đầu tư.

- Trường hợp trên 1 hoá đơn ghi nhiều loại HHDV thì ở cột mặt hàng có thể ghi 1 số mặt hàng chiếm doanh số chủ yếu của hoá đơn.

- Đối với hoá đơn điều chỉnh giảm cho các hoá đơn mua vào trước đó thì ghi giá trị âm bằng cách để trong ngoặc (...).

Cách ghi cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu 1 “HHDV dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT”:

Toàn bộ hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế của HHDV dùng riêng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT của NNT mua vào trong kỳ tính thuế được ghi trong chỉ tiêu này (Bao gồm cả TSCĐ dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, trừ TSCĐ chuyên dùng để sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng cho hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng, công ty tái bảo hiểm, công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học; TSCĐ dùng vào mục đích phúc lợi của cơ sở kinh doanh -không phân biệt nguồn vốn đầu tư).

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn

- Các cột (2, 3, 4, 5, 7, 11) ghi theo nội dung tương ứng trên từng hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- Cột (8) doanh số mua chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số mua chưa có thuế GTGT.

Trường hợp hoá đơn mua vào là loại hoá đơn, chứng từ đặc thù, giá mua đã bao gồm thuế GTGT thì căn cứ giá mua đã có thuế GTGT để tính ra doanh số mua chưa có thuế GTGT theo công thức:

$$\text{Giá mua chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá bán ghi trên hoá đơn}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Cột (9) - thuế suất ghi theo thuế suất thuế GTGT trên hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc theo thuế suất quy định đối với HHDV đó trong trường hợp hoá đơn đặc thù.

- Cột (10) - thuế GTGT ghi số thuế GTGT theo hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc số thuế GTGT tính được đối với hoá đơn đặc thù (10 = 8 x 9). Dòng tổng ghi tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT.

Chỉ tiêu 2 “HHDV dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT”:

Toàn bộ hoá đơn GTGT, chứng từ, biên lai nộp thuế của HHDV dùng riêng cho SXKD HHDV không chịu thuế GTGT của NNT mua vào trong kỳ tính thuế được liệt kê trong chỉ tiêu này. Bao gồm cả hoá đơn mua TSCĐ chuyên dùng để sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng cho hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng, công ty tái bảo hiểm, công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học; TSCĐ dùng vào mục đích phúc lợi của cơ sở kinh doanh -không phân biệt nguồn vốn đầu tư).

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11) ghi theo nội dung tương ứng trên từng hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- Cột (8) cách ghi tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1

- Cột (10) - thuế GTGT ghi số thuế GTGT theo hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc số thuế GTGT tính được đối với hoá đơn đặc thù ($10 = 8 \times 9$). Dòng tổng ghi tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT.

Chỉ tiêu 3 “HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT”:

Đối với hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế của HHDV mua vào trong kỳ tính thuế dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT (NNT không hạch toán riêng được cho từng loại dùng cho HHDV chịu thuế hoặc không chịu thuế) thì được kê trong chỉ tiêu này. (Không bao gồm TSCĐ dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT đã kê ở chỉ tiêu 1)

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11) ghi theo nội dung tương ứng trên từng hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- Cột (8) cách ghi tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1

- Cột (10) - thuế GTGT ghi số thuế GTGT theo hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc số thuế GTGT tính được đối với hoá đơn đặc thù ($10 = 8 \times 9$). Dòng tổng ghi tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế GTGT.

Chỉ tiêu 4 “HHDV dùng cho dự án đầu tư”:

Chỉ tiêu này chỉ dùng cho NNT mua HHDV dùng cho dự án đầu tư. Căn cứ hoá đơn chứng từ mua vào dùng cho dự án đầu tư, NNT ghi vào các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 tương tự như hướng dẫn ở các chỉ tiêu 1, 2 và 3 nêu trên.

- Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới thì chỉ tiêu 4 không phải ghi

- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới SXKD HHDV chịu thuế GTGT hoặc SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT chưa phát sinh doanh thu thì lập riêng Bảng kê mẫu số 01-2/GTGT, nhưng bảng kê này chỉ ghi chỉ tiêu 4 mà không ghi chỉ tiêu 1, 2, 3. Bảng kê này được nộp kèm theo tờ khai mẫu số 02/GTGT

Chỉ tiêu “Tổng giá trị HHDV mua vào”:

Tổng giá trị HHDV mua vào là tổng doanh số mua vào chưa có thuế của các loại HHDV dùng cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này trong trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới là tổng cộng số liệu tại cột 8, dòng tổng số của các chỉ tiêu 1, 2, 3. Số liệu của chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [12] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT nhưng chỉ ghi chỉ tiêu 4, không ghi chỉ tiêu 1, 2, 3. Số liệu này được dùng để ghi vào chỉ tiêu [11] trên tờ khai 02/GTGT.

Chỉ tiêu “Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào”:

Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào là tổng số thuế GTGT của các loại HHDV dùng cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số liệu tại cột 10, dòng tổng số của các chỉ tiêu 1, 2, 3. Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào dùng để ghi vào chỉ tiêu [13] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT và chỉ ghi chỉ tiêu 4, không ghi chỉ tiêu 1, 2, 3. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [12] trên tờ khai 02/GTGT.

III. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HOÁ DỊCH VỤ MUA VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ TRONG KỲ MẪU SỐ 01-4A/GTGT (PHỤ LỤC 5)

Trường hợp NNT có hoạt động SXKD cả HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế, nếu không hạch toán được riêng thuế GTGT đầu vào cho từng loại thì NNT phải thực hiện phân bổ số thuế GTGT đầu vào cho HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế. Việc phân bổ này được thực hiện và kê khai vào Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ mẫu số 01-4A/GTGT (xem phụ lục 5) và được kèm theo tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT. Việc lập bảng phân bổ này được thực hiện như sau:

1. Căn cứ để lập bảng phân bổ:

Căn cứ để lập bảng phân bổ số 01-4A/GTGT là các số liệu từ:

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra mẫu số 01-1/GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT

2. Cách lập bảng phân bổ:

Tên NNT, mã số thuế ghi đúng theo tờ khai đăng ký thuế.

Các chỉ tiêu ngoài bảng (phần A của bảng phân bổ):

Chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ”:

Chỉ tiêu này bao gồm toàn bộ số tiền thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD trong kỳ của NNT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số liệu lấy từ chỉ tiêu “Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào” (không bao gồm chỉ tiêu 4) trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT.

Chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế”:

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT mua vào dùng riêng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT trong kỳ của NNT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ dòng tổng của chỉ tiêu 1 cột 10 “HHDV dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT” trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT.

Chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV không chịu thuế”:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ dòng tổng của chỉ tiêu 2, cột 10 “HHDV dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT” trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT.

Chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế”:

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT trong kỳ mà NNT không hạch toán riêng được. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ chỉ tiêu tổng của dòng 3 “HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT” trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT).

Các chỉ tiêu trong bảng (phần B của bảng phân bổ):

Chỉ tiêu 1 “Tổng doanh thu HHDV bán ra trong kỳ”:

Chỉ tiêu này bao gồm tổng doanh thu của HHDV bán ra trong kỳ, gồm cả HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ chỉ tiêu “Tổng doanh thu HHDV bán ra” ở phần cuối Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra mẫu số 01-1/GTGT.

Chỉ tiêu 2 “Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trong kỳ”:

Chỉ tiêu này bao gồm toàn bộ doanh thu của HHDV chịu thuế GTGT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này bằng tổng số của các chỉ tiêu: HHDV chịu thuế suất GTGT 0%; HHDV chịu thuế suất GTGT 5%; HHDV chịu thuế suất GTGT 10% trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra mẫu số 01-1/GTGT.

Chỉ tiêu 3 “Tỷ lệ % doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của kỳ kê khai”:

Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ tiêu 3} = \text{Chỉ tiêu 2} / \text{Chỉ tiêu 1}$$

Chỉ tiêu 4 “Thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong kỳ”:

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong tháng. Số liệu này được lấy từ chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế” trong phần A của bảng phân bổ.

Chỉ tiêu 5 “Thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ”:

Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ tiêu 5} = \text{Chỉ tiêu 4} \times \text{Chỉ tiêu 3}$$

Số liệu này được cộng với số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD HHDV chịu thuế trong tháng trên bảng kê số 01-2/GTGT để tổng hợp vào chỉ tiêu [23] trên TỜ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Ví dụ: Phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu, cách lập Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ (mẫu số 01-4A/GTGT)

Công ty TNHH Màu Xanh kinh doanh ngành nghề dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.. Theo quy định của Luật thuế GTGT, hoạt động này gồm: Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư (gồm hoạt động thu, dọn, xử lý rác và chất phế thải; thoát nước, xử lý nước thải) là đối tượng không chịu thuế GTGT; Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước cho các tổ chức, cá nhân như lau dọn, vệ sinh văn phòng là đối tượng chịu thuế GTGT.

Doanh thu, chi phí và thuế GTGT đầu vào, đầu ra của các hoạt động Công ty thực hiện theo dõi riêng được đối với từng hoạt động. Nhưng có một số khoản chi phí quản lý chung của Công ty thì được dùng chung cho cả hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Số thuế GTGT của HHDV dùng chung này Công ty thực hiện phân bổ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu.

Tháng 7/2007, **Công ty TNHH Màu Xanh** có số liệu như sau:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào: 350.000.000 đồng.

Trong đó:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho hoạt động chịu thuế: 150.000.000 đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho hoạt động không chịu thuế: 120.000.000 đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty: 80.000.000 đồng

- Tổng doanh thu của HHDV bán ra: 8.000.000.000 đồng

Trong đó:

+ Doanh thu của hoạt động chịu thuế GTGT: 6.000.000.000 đồng

+ Doanh thu của hoạt động không chịu thuế GTGT: 2.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Màu Xanh kê khai số thuế GTGT đầu vào như sau:

- Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế (**dịch vụ vệ sinh, thoát nước cho các tổ chức, cá nhân**) là 150.000.000 đồng.

- Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh HHDV không chịu thuế (**dịch vụ phục vụ công cộng**) là 120.000.000 đồng.

- Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động quản lý chung của Công ty là 80.000.000 đồng.

Công ty lập Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ tháng 7/2007 như sau:

Mẫu số 01-4A/GTGT

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GTGT

CỦA HÀNG HOÁ DỊCH VỤ MUA VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ TRONG KỲ

(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT theo mẫu 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2007

Người nộp thuế: **Công ty TNHH Màu Xanh**

Mã số thuế: xxxxx

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

A. Thuế GTGT của HHDV mua vào: 350.000.000 đồng

Trong đó:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD chịu thuế: 150.000.000 đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD không chịu thuế: 120.000.000

đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế: 80.000.000 đồng

B. Phân bố số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu HHDV bán ra trong kỳ	8.000.000.000
2	Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trong kỳ	6.000.000.000
3	Tỷ lệ doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của kỳ kê khai (3) = (2)/(1)	75%
4	Thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong kỳ	80.000.000
5	Thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ (5) = (4) x (3)	60.000.000

Như vậy tổng số thuế GTGT đầu vào công ty được khấu trừ trong kỳ là: 210.000.000 đồng (= 150.000.000 + 60.000.000). Số liệu này được tổng hợp để ghi vào ô mã số [23] trên Tờ khai thuế GTGT tháng 7/2007 của Công ty.

Ghi chú: Trong trường hợp NNT hoàn toàn không theo dõi riêng được giữa hoạt động sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế thì số thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ là tổng số thuế GTGT đầu vào trong kỳ (không bao gồm thuế đầu vào dùng cho dự án đầu tư).

IV. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT ĐẦU VÀO PHÂN BỐ ĐƯỢC KHẤU TRỪ NĂM - MẪU SỐ 01-4B/GTGT (PHỤ LỤC 6)

Do tỷ lệ doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu hàng tháng của NNT có thể khác nhau. Khi kết thúc năm, NNT tính phân bổ lại số thuế GTGT được khấu trừ trong năm theo tỷ lệ (%) doanh số HHDV bán ra chịu thuế GTGT trên tổng doanh số bán của HHDV cả năm và xác định số chênh lệch về thuế GTGT được khấu trừ do phân bổ lại theo Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT được khấu trừ năm mẫu số 01-4B/GTGT (xem phụ lục 6).

Việc lập bảng kê khai điều chỉnh này được thực hiện như sau:

Các chỉ tiêu ngoài bảng (phần A của bảng phân bổ):

Các chỉ tiêu:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV không chịu thuế
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế

Số liệu để ghi vào các chỉ tiêu này được cộng từ số liệu tương ứng của Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ mẫu số 01-4A/GTGT của 12 tháng trong năm.

Các chỉ tiêu trong bảng (phần B của bảng phân bổ):

Số liệu để ghi vào **chỉ tiêu 1** “Tổng doanh thu HHDV bán ra trong năm” và **chỉ tiêu 2** “Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế” được cộng từ Bảng phân bổ thuế số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ mẫu số 01-4A/GTGT của các tháng trong năm.

Chỉ tiêu 3 “Tỷ lệ % doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của năm”:

Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ tiêu 3} = \text{Chỉ tiêu 2} : \text{Chỉ tiêu 1}$$

Chỉ tiêu 4 “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong năm”:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là được lấy từ chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế” trong phần A của bảng phân bổ.

Chỉ tiêu 5 “Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm”:

Đây là số thuế GTGT được khấu trừ được tính phân bổ trong tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế cả năm của NNT.

Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ tiêu 5} = \text{Chỉ tiêu 4} \times \text{Chỉ tiêu 3}$$

Chỉ tiêu 6 “Thuế GTGT đầu vào đã kê khai khấu trừ 12 tháng”:

Số liệu của chỉ tiêu này được lấy từ chỉ tiêu 5 trên Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ mẫu số 01-4A/GTGT của 12 tháng trong năm của NNT.

Chỉ tiêu 7 “Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm”:

Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ tiêu 7} = \text{Chỉ tiêu 5} - \text{Chỉ tiêu 6}$$

Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp vào chỉ tiêu [23] trên Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) của tháng ba năm sau.

Ví dụ: Phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ % doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu năm, cách lập Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT được khấu trừ năm mẫu số 01-4B/GTGT.

Giả sử trong năm 2007, Công ty TNHH Màu Xanh nêu ở ví dụ 1 có số liệu kê khai về thuế GTGT tổng hợp từ các bảng phân bổ 01-4A/GTGT trong năm 2007 như sau:

- Thuế GTGT đầu vào:

Đơn vị tiền: đồng Việt nam

Nội dung	Tổng số thuế GTGT đầu vào 12 tháng	Thuế GTGT đã tính khấu trừ 12 tháng
Tổng số	5.670.000.000	4.030.500.000
Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho vận tải nội địa	3.540.000.000	3.540.000.000
Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho hoạt động vận tải biển quốc tế	1.380.000.000	0
Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty	750.000.000	490.500.000

- Tổng doanh thu của HHDV bán ra: 109.500.000.000 đồng

Trong đó:

+ Doanh thu của hoạt động chịu thuế GTGT: 69.400.000.000 đồng

+ Doanh thu của hoạt động không chịu thuế GTGT: 40.100.000.000 đồng

- Công ty TNHH Màu Xanh tính phân bổ lại số thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty theo tỷ lệ % doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu của cả năm. Giả sử Công ty thực hiện việc tính toán điều chỉnh, phân bổ lại số thuế GTGT đầu vào của năm 2007 trong tháng 3/2008, Công ty lập Bảng kê khai điều chỉnh như sau:

Mẫu số 01-4B/GTGT

BẢNG KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT ĐẦU VÀO PHÂN BỐ ĐƯỢC KHẤU TRỪ NĂM 2007

(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT theo mẫu 01/GTGT)

Người nộp thuế: Công ty TNHH Màu Xanh

Mã số thuế: xxxx

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

A. Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào: 5.670.000.000 đồng

Trong đó:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế: 3.540.000.000 đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV không chịu thuế: 1.380.000.000 đồng

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế: 750.000.000 đồng

B. Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ phân bổ của năm:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu HHDV bán ra trong năm	109.500.000.000
2	Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế	69.400.000.000
3	Tỷ lệ doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của năm (3) = (2)/(1)	63,38%
4	Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong năm	750.000.000
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm (5) = (4) x (3)	475.350.000
6	Thuế GTGT đầu vào đã kê khai khấu trừ 12 tháng	490.500.000
7	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm (7)=(5)-(6)	(15.150.000)

Theo kết quả tính toán ở trên, số thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT của Công ty được khấu trừ giảm đi là 15.150.000 đồng so với số Công ty đã kê khai khấu trừ trên Bảng phân bổ (mẫu số 01-4A/GTGT) của các tháng trong năm 2007. Số liệu điều chỉnh này được tổng hợp vào chỉ tiêu mã số [23] “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ” trên Tờ khai thuế GTGT tháng 3/2008 của Công ty.

V. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐÃ NỘP CỦA DOANH THU KINH DOANH XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT, BÁN HÀNG VĂNG LAI NGOẠI TỈNH MẪU SỐ 01-5/GTGT (PHỤ LỤC 7)

NNT có hoạt động kinh doanh xây dựng, bán hàng văng lai ngoài tỉnh khi phát sinh doanh thu phải lập Tờ khai thuế GTGT tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoài tỉnh mẫu số 06/GTGT (xem phụ lục 7) và nộp tiền thuế đã kê khai và nộp tiền thuế theo kê khai.

Khi lập hồ sơ khai thuế, NNT phải tổng hợp số thuế GTGT đã nộp từ hoạt động kinh doanh xây dựng, bán hàng văng lai ngoài tỉnh trong tháng và ghi vào Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh mẫu số 01-5/GTGT.

Cách lập bảng kê này được thực hiện như sau:

Cột “Số chứng từ nộp tiền thuế”:

NNT căn cứ vào số chứng từ nộp thuế để ghi vào chỉ tiêu này.

Cột “Nơi nộp tiền thuế (KBNN)”:

NNT ghi tên của Kho bạc nhà nước nơi NNT nộp tiền thuế.

Cột “Cơ quan thuế quản lý hoạt động kinh doanh văng lai”:

Ghi tên của Chi cục thuế địa phương nơi phát sinh doanh thu hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai.

Cột “Số tiền thuế đã nộp”:

NNT căn cứ vào số tiền trên chứng từ nộp thuế để ghi số liệu vào chỉ tiêu này.

Tổng số tiền đã nộp tại bảng kê này được đưa gộp chung vào chỉ tiêu [37] - Điều chỉnh giảm trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

VI. HƯỚNG DẪN LẬP BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT

NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở NNT.

1. Trường hợp khai bổ sung, điều chỉnh dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp

1.1- Căn cứ để lập bảng 01/KHBS: Khi phát hiện sai sót, nhầm lẫn làm tăng số thuế phải nộp của tờ khai thuế GTGT đã nộp cho cơ quan thuế các kỳ trước, NNT căn cứ nghiệp vụ cụ thể để lập tờ khai thuế mới với các số liệu đã được điều chỉnh theo số đúng và làm căn cứ để lập bảng giải trình 01/KHBS.

1.2- Cách ghi bảng giải trình 01/KHBS

Căn cứ tờ khai thuế cần điều chỉnh và tờ khai thuế điều chỉnh đã lập, NNT lập bảng 01/KHBS như sau:

Bản giải trình ghi rõ bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã kê khai tại tờ khai thuế mẫu số nào, kỳ tính thuế nào, ngày đã kê khai.

Tên NNT, mã số thuế, địa chỉ, điện thoại, fax, email ghi đầy đủ chính xác theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT.

Phần A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

a. Cách ghi theo cột:

Cột 2 “Chỉ tiêu điều chỉnh”:

Tên chỉ tiêu làm tăng số thuế phải nộp

Cột 3 “Mã số chỉ tiêu”:

Ghi mã số chỉ tiêu làm tăng thuế phải nộp: mã chỉ tiêu [23] và [39] trên tờ khai 01/GTGT.

Cột 4 “Số đã kê khai”:

Số liệu này được lấy từ số liệu đã kê khai của mã số cần điều chỉnh trên tờ khai thuế GTGT cũ mẫu số 01/GTGT đã nộp cơ quan thuế (bản lưu của NNT).

Cột 5 “Số điều chỉnh”:

Được lấy từ tờ khai điều chỉnh mới mà NNT đã lập (ở mã số điều chỉnh).

Cột 6 “Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai”:

Số liệu này là hiệu số giữa số điều chỉnh với số đã kê khai hoặc ngược lại.

- Đối với điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT mua vào (chỉ tiêu 23) là hiệu số giữa số đã kê khai và số điều chỉnh (cột 6 = cột 4 - cột 5).

- Đối với điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu ra (chỉ tiêu 39) là hiệu số giữa số điều chỉnh và số đã kê khai (cột 6 = cột 5 - cột 4).

b. Cách ghi theo dòng:

- **Phần I:** ghi tên các chỉ tiêu điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp như: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra, ...

- **Phần II:** ghi tên các chỉ tiêu điều chỉnh làm giảm số thuế phải nộp như: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra, ...

- **Phần III “Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng +; giảm -):** Chỉ tiêu này tổng hợp số đã khai điều chỉnh của các dòng trên. Số liệu ở dòng này nếu là số (+) thì là căn cứ để tính số tiền phạt chậm nộp.

Phần B. Tính số tiền phạt chậm nộp:

1. Số ngày chậm nộp:

Được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ khai thuế (cũng là ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền thuế) của kỳ khai thuế cần điều chỉnh đến ngày nộp hồ sơ khai thuế bổ sung.

2. Số tiền phạt chậm nộp: Tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt chậm nộp} = \text{số thuế điều chỉnh tăng} \times \text{số ngày chậm nộp} \times 0,05\%$$

Trong đó:

- Số thuế điều chỉnh là số liệu trên dòng 3 cột 6 phần A của bản giải trình 01/KHBS

- Số ngày chậm nộp là số ngày tính được theo cách tính ghi trên chỉ tiêu 1 của phần B của bản giải trình

Phần C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

Ghi các tài liệu nộp kèm theo bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01/KHBS và giải thích nội dung, nguyên nhân của giải trình điều chỉnh bổ sung.

Ví dụ: Khai bổ sung, điều chỉnh dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp

Ngày 15/8/2007, Công ty *TNHH Màu Xanh* lập tờ khai thuế GTGT của tháng 7/2007 có số liệu như sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 60/2007/TT-BTC ngày
14/6/2007 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kỳ tính thuế: tháng 7/2007

[02]Người nộp thuế: Công ty *TNHH Màu Xanh*

[03]Mã số thuế: xxx

[04]Địa chỉ: xxxxxxxx.....

[05]Quận/huyện....xxxx..... [06]Tỉnh/Thành phố.....xxxx.....

[07]Điện thoại ..xxx.....[08]Fax.....xxxxx.....[09]Email.....xxxxxx.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	4.000.000.000	350.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước		
b	Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu		
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		350.000.000
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		300.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	8.000.000.000	400.000.000
1.1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	2.000.000.000	
1.2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	6.000.000.000	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	1.000.000.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	2.000.000.000	100.000.000
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	3.000.000.000	300.000.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	8.000.000.000	400.000.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		100.000.000
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày 15 tháng 8 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ngày 27/11/2007, công ty *TNHH Màu Xanh* khi kiểm tra sổ sách đã phát hiện trong tháng 4/2007 đã kê khai sai như sau:

- Kê khai thiếu một hoá đơn GTGT bán ra loại có thuế suất 10% với số thuế GTGT là 15.000.000 VNĐ.

- Kê khai trùng một hoá đơn GTGT mua vào loại có thuế suất 10% với số thuế GTGT là 30.000.000 đồng.

Công ty thực hiện việc lập tờ khai thuế GTGT mới của tháng 4/2007 với các số liệu đã được điều chỉnh theo số đúng như sau:

Mẫu số

Mẫu số: 01/KHBS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kỳ tính thuế: tháng 4/2007

[02]Người nộp thuế: Công ty TNHH Màu Xanh

[03]Mã số thuế: xxx

[04]Địa chỉ: xxxxxxxx.....

[05]Quận/huyện.....xxxx..... [06]Tỉnh/Thành phố.....xxxx.....

[07]Điện thoại ..xxx.....[08]Fax.....xxxxx.....[09]Email.....xxxxxx.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	3.700.000.000	320.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước		
b	Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu		
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		320.000.000
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		270.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	8.150.000.000	415.000.000
1.1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	2.000.000.000	
1.2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	6.150.000.000	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	1.000.000.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	2.000.000.000	100.000.000
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	3.150.000.000	315.000.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	8.150.000.000	415.000.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		145.000.000
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày 27 tháng 11 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 4/2007 cũ và tờ khai thuế GTGT tháng 4/2007 mới điều chỉnh theo số đúng, Công ty thực hiện việc lập Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01/KHBS như sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 60/2007/TT-BTC ngày
14/6/2007 của Bộ Tài chính)

GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 07/2007 ngày kê khai 20/4/2007)

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Màu Xanh

Mã số thuế: xxx

Địa chỉ: xxxxxxxx.....

Quận/huyện.....xxxxxx..... Tỉnh/Thành phố.....xxxxxx.....

Điện thoạixxxx..... Fax.....xxxxx..... Email.....xxxxxx.....

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I.	Chỉ tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp				
1.	- Điều chỉnh giảm tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này (do kê khai trùng một hoá đơn GTGT mua vào với số thuế GTGT là 30.000.000 đồng)	[23]	300.000.000	270.000.000	30.000.000
2.	- Điều chỉnh tăng tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra (do kê khai thiếu một hoá đơn GTGT bán ra là 15.000.000 đồng)	[39]	400.000.000	415.000.000	15.000.000
II.	Chỉ tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp				
...					

III	Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -)				45.000.000
-----	---	--	--	--	------------

B. Tính số tiền phạt chậm nộp:

1. Số ngày chậm nộp: 96 ngày
2. Số tiền phạt chậm nộp = 45.000.000đ x 96 ngày x 0,05% = 2.160.000 đồng

C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

- Điều chỉnh giảm tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này do kê khai trùng một hoá đơn GTGT mua vào với số thuế GTGT là 30.000.000 đồng.
- Điều chỉnh tăng tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra do kê khai thiếu một hoá đơn GTGT bán ra là 15.000.000 đồng.

....., ngày 27 tháng 11 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

2. Trường hợp khai bổ sung, điều chỉnh dẫn đến giảm số thuế GTGT phải nộp

2.1- Căn cứ để lập bảng 01/KHBS: Khi phát hiện sai sót, nhầm lẫn làm giảm số thuế phải nộp của tờ khai thuế GTGT đã nộp cho cơ quan thuế các kỳ trước, NNT căn cứ nghiệp vụ cụ thể để lập tờ khai thuế mới với các số liệu đã được điều chỉnh theo số đúng và làm căn cứ để lập bảng giải trình 01/KHBS.

2.2- Cách ghi bảng giải trình 01/KHBS

Căn cứ tờ khai thuế cần điều chỉnh và tờ khai thuế điều chỉnh đã lập, NNT lập bảng 01/KHBS như hướng dẫn tại điểm 1 mục VI phần B.

Mỗi kỳ tính thuế có sai sót cần điều chỉnh, NTT lập một bảng 01/KHBS. Trường hợp trong một kỳ tính thuế phát hiện nhiều sai sót của nhiều kỳ trước thì lập nhiều bảng 01/KHBS, sau đó tổng hợp vào bảng 01-3/GTGT.

Từ bảng 01-3/GTGT, NNT lấy số liệu dòng tổng thuế GTGT điều chỉnh tăng hoặc điều chỉnh giảm để bù trừ vào số thuế phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế phát hiện sai sót. NNT lấy số liệu dòng tổng thuế GTGT điều chỉnh tăng của bảng 01-3/GTGT dùng để ghi vào chỉ tiêu [35] trên tờ khai mẫu số 01/GTGT của kỳ tính thuế phát hiện sai sót. Số liệu ở dòng tổng thuế GTGT điều chỉnh giảm của bảng 01-3/GTGT dùng để ghi vào chỉ tiêu [37] của tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế phát hiện sai sót.

Ví dụ: Khai bổ sung, điều chỉnh dẫn đến giảm số thuế GTGT phải nộp

Ngày 15/6/2007, Công ty *TNHH Màu Xanh* lập tờ khai thuế GTGT của tháng 5/2007 có số liệu như sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 60/2007/TT-BTC ngày
14/6/2007 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kỳ tính thuế: tháng 5/2007

[02]Người nộp thuế: Công ty *TNHH Màu Xanh*

[03]Mã số thuế: xxx

[04]Địa chỉ: xxxxxxxx.....

[05]Quận/huyện....xxxx..... [06]Tỉnh/Thành phố.....xxxx.....

[07]Điện thoại ..xxx.....[08]Fax.....xxxxx.....[09]Email.....xxxxxx.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	5.000.000.000	450.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước		
b	Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu		
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		450.000.000
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		350.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	9.000.000.000	500.000.000
1.1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	2.000.000.000	
1.2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	7.000.000.000	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	1.000.000.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	2.000.000.000	100.000.000
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	4.000.000.000	400.000.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	9.000.000.000	500.000.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		150.000.000
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày 15 tháng 6 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Trong tháng 12/2007, công ty *TNHH Màu Xanh* khi kiểm tra sổ sách đã có những điều chỉnh sau:

- Ngày 15/12/2007, công ty phát hiện khai trùng một hoá đơn GTGT đầu ra của kỳ tính thuế tháng 5/2007 với số thuế GTGT là 15.000.000 đồng.

Căn cứ nghiệp vụ phát sinh cần khai điều chỉnh, công ty lập tờ khai thuế mới của kỳ cần điều chỉnh theo số đúng như sau:

TỜ khai thuế GTGT mới của tháng 5/2007:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kỳ tính thuế: tháng 5/2007

[02]Người nộp thuế: Công ty *TNHH Màu Xanh*

[03]Mã số thuế: xxx

[04]Địa chỉ: xxxxxxxx.....

[05]Quận/huyện....xxxx..... [06]Tỉnh/Thành phố.....xxxx.....

[07]Điện thoại ..xxx.....[08]Fax.....xxxxx.....[09]Email.....xxxxxx.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	5.000.000.000	450.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước		
b	Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu		
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		450.000.000
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		350.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	8.850.000.000	485.000.000
1.1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	2.000.000.000	
1.2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	6.850.000.000	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	1.000.000.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	2.000.000.000	100.000.000
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	3.850.000.000	385.000.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	8.850.000.000	485.000.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		135.000.000
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày 15 tháng 12 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Căn cứ số liệu trên tờ khai cũ và số liệu trên tờ khai mới của tháng 5/2007, công ty lập các bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu 01/KHBS như sau:

Bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh của kỳ tính thuế tháng 5/2007.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 60/2007/TT-BTC ngày
14/6/2007 của Bộ Tài chính)

GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 5/2007 ngày kê khai 15/6/2007)

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Màu Xanh

Mã số thuế: xxx

Địa chỉ: xxxxxxxx.....

Quận/huyện.....xxxxxx..... Tỉnh/Thành phố.....xxxxxx.....

Điện thoạixxxx..... Fax.....xxxxx..... Email.....xxxxxx.....

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Chỉ tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp				
....					
II.	Chỉ tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp				
1.	- Điều chỉnh giảm thuế GTGT của HHDV bán ra	[39]	500.000.000	485.000.000	(15.000.000)

III	Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -)				(15.000.000)
-----	---	--	--	--	--------------

B. Tính số tiền phạt chậm nộp:

1. Số ngày chậm nộp:
2. Số tiền phạt chậm nộp

C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

Điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu ra do khai trùng một hoá đơn GTGT đầu ra của kỳ tính thuế tháng 8/2007 với số thuế GTGT là 15.000.000 đồng.

....., ngày 15 tháng 12 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Căn cứ số liệu của bảng giải trình điều chỉnh, bổ sung của kỳ tính thuế tháng 5/2007, công ty tổng hợp số liệu điều chỉnh sang Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (mẫu số 01-3/GTGT) như sau:

Mẫu số 01-3/GTGT

BẢNG TỔNG HỢP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
THEO BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
Kỳ tính thuế: Tháng 11 năm 2007

Người nộp thuế: Công ty TNHH Màu Xanh

Mã số thuế:.....xxx.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Kỳ tính thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1	Tháng 5/2007	10/12/2007		15.000.000
	<i>Tổng cộng</i>			15.000.000

....., ngày 15 tháng 12 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Số thuế điều chỉnh giảm 15.000.000 đồng này được ghi vào chỉ tiêu [37] trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT của kỳ tính thuế tháng 11/2007 của Công ty.

Ngày 15/12/2007, Công ty *TNHH Màu Xanh* lập tờ khai thuế GTGT của tháng 11/2007 có số liệu như sau:

Mẫu số: **01/KHBS**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Kỳ tính thuế: tháng 11/2007

[02]Người nộp thuế: Công ty *TNHH Màu Xanh*
 [03]Mã số thuế: xxx
 [04]Địa chỉ: xxxxxxxx.....
 [05]Quận/huyện....xxxx..... [06]Tỉnh/Thành phố.....xxxx.....
 [07]Điện thoại ..xxx.....[08]Fax.....xxxxx.....[09]Email.....xxxxxx.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	10.000.000.000	1.000.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước		
b	Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu		
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		
b	Điều chỉnh giảm		
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		1.000.000.000
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		800.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	14.000.000.000	900.000.000
1.1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	1.000.000.000	
1.2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	11.000.000.000	900.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	2.000.000.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	4.000.000.000	200.000.000
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	7.000.000.000	700.000.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng		25.000.000
b	Điều chỉnh giảm		15.000.000
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	14.000.000.000	910.000.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		110.000.000
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		
2.1	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này		
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.
, ngày 15 tháng 12 năm 2007

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

VII. HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MẪU SỐ 01/GTGT (PHỤ LỤC 1)

1. Căn cứ để lập tờ khai 01/GTGT:

Căn cứ để lập tờ khai 01/GTGT là các bảng kê, bảng phân bổ và hồ sơ khai thuế bổ sung (nếu có) trong kỳ của NNT.

2. Cách lập tờ khai 01/GTGT được thực hiện như sau:

Tờ khai phải ghi rõ lập cho kỳ tính thuế tháng, năm nào. Các mã số từ [02] đến [09] ghi đầy đủ, chính xác theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT.

A. Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ:

- Mã số [10]: Nếu trong kỳ kê khai không phát sinh các hoạt động mua bán HHDV thì NNT vẫn phải lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế. Trên tờ khai, NNT đánh dấu “X” vào ô mã số [10] - Chỉ tiêu A “Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ”.

Khi đánh dấu “X” vào ô mã số [10], NNT không cần phải điền số 0 vào ô mã số của các chỉ tiêu phản ánh giá trị và thuế GTGT của HHDV mua vào, bán ra trong kỳ.

B. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

- Mã số [11]- Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: số liệu ghi vào mã số này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

Số thuế còn phải nộp không được ghi vào chỉ tiêu này. NNT nếu có số thuế nộp thiếu kỳ trước thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

C. Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I. Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào

1. Chỉ tiêu “HHDV mua vào trong kỳ”

Chỉ tiêu “HHDV mua vào trong kỳ” trên tờ khai bao gồm các ô phản ánh toàn bộ giá trị HHDV và tiền thuế GTGT của HHDV NNT mua vào trong kỳ.

- Mã số [12]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT. Số liệu này được lấy từ số liệu dòng “Tổng giá trị HHDV mua vào” ở phần cuối Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT), không bao gồm giá trị HHDV mua vào dùng cho dự án đầu tư.

- **Mã số [13]:** Số liệu ghi vào mã số này được lấy từ số liệu ở dòng “Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào” ở phần cuối Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT), không bao gồm thuế đầu vào dùng cho dự án đầu tư.

Mã số [14], [15], [16], [17]: Tạm thời chưa phải ghi.

2. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”:

Mã số [18], [19], [20], [21]: Tạm thời chưa phải ghi.

3. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ của NNT.

- **Mã số [22]:** Số liệu ghi vào mã số này được xác định bằng:

$$\text{Mã số [22]} = \text{Mã số [13]}$$

(Vì mã số [19] và [21] không ghi số liệu).

4. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- Mã số [23] phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. Cụ thể như sau:

Số liệu ghi vào mã số [23] là số liệu lấy ở dòng tổng của chỉ tiêu 1 cột 10 trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT, (không bao gồm thuế GTGT đầu vào dùng cho dự án đầu tư) cộng với (+) số liệu trên chỉ tiêu 5 - phần B (chỉ tiêu “Thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ”) của Bảng phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ mẫu số 01-4A/GTGT (nếu có) cộng với (+) hoặc trừ với (-) số liệu của chỉ tiêu 7 - phần B (chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm”) trên Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm mẫu số 01-4B/GTGT (nếu có, đối với tờ khai 01/GTGT của tháng 3 năm sau).

II. Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “HHDV bán ra trong kỳ”

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh số và thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ, bao gồm cả HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế GTGT. Chỉ tiêu này gồm có:

- **Mã số [24]:** Số liệu ghi vào mã số này được lấy từ số liệu của dòng “Tổng doanh thu HHDV bán ra” ở phần cuối Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra mẫu số 01-1/GTGT.

Số liệu ở mã số này cũng được tính bằng:

$$[24] = [26] + [27]$$

- **Mã số [25]:** Số liệu ghi vào mã số này được lấy từ số liệu của dòng “Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra” ở phần cuối Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra mẫu số 01-1/GTGT.

Số liệu ở mã số này cũng được tính bằng số liệu ghi ở mã số [28].

- **Mã số [26]:** Số liệu ghi vào mã số này được lấy từ số tổng của dòng 1, cột 8 trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV bán ra (mẫu số 01-1/GTGT).

- **Mã số [27]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT trong kỳ của NNT. Số liệu này được tính bằng:

$$[27] = [29] + [30] + [32]$$

Trong đó:

Mã số [29]: Số liệu được lấy từ số tổng của dòng 2 cột 8 trên Bảng kê mẫu số 01-1/GTGT

Mã số [30]: Số liệu được lấy từ số tổng của dòng 3 cột 8 trên Bảng kê mẫu số 01-1/GTGT

Mã số [32]: Số liệu được lấy từ số tổng của dòng 4 cột 8 trên Bảng kê mẫu số 01-1/GTGT

- **Mã số [28]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27]. Số liệu này được tính bằng:

$$[28] = [31] + [33]$$

Trong đó:

Mã số [31]: Số liệu được lấy từ số tổng của dòng 3 cột 10 trên Bảng kê mẫu số 01-1/GTGT

Mã số [33]: Số liệu được lấy từ số tổng của dòng 4 cột 10 trên Bảng kê mẫu số 01-1/GTGT

2. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước”:

NNT đã kê khai thuế GTGT phải nộp của các kỳ trước, sau đó phát hiện ra có sự nhầm lẫn, sai sót thì thực hiện kê khai vào các chỉ tiêu điều chỉnh của tờ khai thuế GTGT của tháng phát hiện ra sai sót, nhầm lẫn.

- Trường hợp sự kê khai điều chỉnh dẫn đến việc tăng số thuế GTGT phải nộp, giảm số thuế GTGT được hoàn, được khấu trừ thì NNT sẽ kê khai riêng trên bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (mẫu số 01/KHBS) mà không kê khai vào tờ khai mẫu số 01/GTGT.

- Trường hợp sự kê khai điều chỉnh dẫn đến việc giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn; Hoặc trong trường hợp tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế được khấu trừ, được hoàn sau:

+ Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào do hàng hoá mua vào để SXKD HHDV chịu thuế GTGT nhưng chuyển sang phục vụ cho hoạt động SXKD HHDV không chịu thuế GTGT; tài sản cố định đang dùng cho sản xuất kinh doanh nay chuyển sang phục vụ mục đích khác không phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào của hàng hoá mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn hoặc bị mất đã tính vào giá trị tổn thất phải bồi thường.

Cách ghi cụ thể trong trường hợp này như sau:

- **Mã số [35]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT điều chỉnh tăng trên bảng kê tổng hợp thuế GTGT mẫu số 01-3/GTGT.

- **Mã số [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT điều chỉnh giảm trên bảng tổng hợp thuế GTGT mẫu số 01-3/GTGT cộng với số tiền đã nộp ở bảng kê mẫu số 01-5/GTGT.

- Mã số [34] và [36]: Tạm thời chưa ghi

3. Chỉ tiêu “**Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra**”:

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ và được xác định bằng:

$$[38] = [24]$$

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và số điều chỉnh tăng giảm. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

III. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:

Các chỉ tiêu trong mục này phản ánh: số thuế GTGT phải nộp, không phải nộp hay số chưa được khấu trừ hết trong kỳ kê khai. Đồng thời trong mục này, NNT cũng xác định số thuế chưa khấu trừ hết kỳ này sẽ đề nghị hoàn thuế hay chuyển sang khấu trừ tiếp vào kỳ sau.

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:

Thuế GTGT phải nộp trong kỳ được tính theo công thức:

Thuế GTGT phải nộp trong kỳ	=	Thuế GTGT đầu ra	-	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang
-----------------------------	---	------------------	---	---------------------------------	---	--

- **Mã số [40]:** Số liệu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu $[40] = 0$ thì phải ghi số “0” vào kết quả.

NNT phải nộp đủ số thuế phát sinh phải nộp theo kê khai vào Ngân sách nhà nước, không được sử dụng để bù trừ với số thuế còn được khấu trừ của kỳ sau.

2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:

- **Mã số [41]:** Số liệu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này”

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết mà NNT đề nghị cơ quan thuế hoàn thuế.

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà NNT đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

Nếu NNT đã đề nghị hoàn thuế đối với số thuế chưa được khấu trừ hết trong kỳ thì không được đưa số thuế này vào số thuế được khấu trừ của kỳ khai thuế tiếp theo.

Khi NNT đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải lập và gửi hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp NNT không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này sẽ được chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp. Số liệu này được ghi vào mã số [43] trên tờ khai. NNT không được lập hồ sơ hoàn thuế đối với số đã chuyển khấu trừ sang kỳ sau.

Chỉ tiêu thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau được tính theo công thức:

$$\text{Mã số [43]} = \text{Mã số [41]} - \text{mã số [42]}$$

Số liệu này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của tháng tiếp theo.

Ví dụ: Kê khai số thuế đề nghị hoàn

Công ty TNHH Phương Nam có số thuế GTGT phát sinh trên tờ khai thuế GTGT các tháng 1, 2, 3, 4 năm 2008 như sau:

Giả sử số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang (mã số 11) tháng 1/2008 bằng 0.

Đơn vị tính: triệu đồng

Tháng	Thuế GTGT đầu ra (mã số [39])	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (mã số [23])	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (mã số [41])	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này (mã số [42])	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (mã số [43])
1/2008	30	100	(70)		(70)
2/2008	120	220	(170)		(170)
3/2008	200	350	(320)		(320)

4/2008	250	150	(220)		
--------	-----	-----	-------	--	--

Với số liệu phát sinh như trên, tại Tờ khai thuế GTGT tháng 3/2008, Công ty TNHH Phương Nam có số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết là 320 triệu đồng. Công ty đủ điều kiện để hoàn thuế theo quy định và có thể lựa chọn:

- Hoặc đề nghị cơ quan thuế hoàn lại số thuế chưa khấu trừ hết (Số đề nghị hoàn có thể bằng hoặc nhỏ hơn 320 triệu đồng).

- Hoặc kết chuyển sang khấu trừ tiếp ở kỳ sau.

Nếu Công ty TNHH Phương Nam đề nghị hoàn cho số thuế lũy kế phát sinh âm của các tháng 1, 2, 3/2008 theo quy định thì tại Tờ khai thuế GTGT tháng 3/2008, Công ty phải ghi vào mã số [42] “số thuế đề nghị hoàn kỳ này” là 320 triệu đồng (nếu đề nghị hoàn 320 triệu đồng). Sau đó, Công ty lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi đến cơ quan thuế.

Nếu Công ty TNHH Phương Nam không ghi số thuế đề nghị hoàn vào mã số [42] Tờ khai thuế GTGT tháng 3/2008 thì số thuế 320 triệu này được chuyển sang khấu trừ tiếp ở kỳ thuế tháng 4/2008 và không được lập hồ sơ xin hoàn số thuế 320 triệu đồng đã chuyển sang khấu trừ kỳ sau.

Giả sử đến tháng 4/2008, Công ty TNHH Phương Nam mới đề nghị hoàn thuế, thì Công ty chỉ có thể đề nghị hoàn cho số thuế chưa được khấu trừ hết của tháng 4 là 220 triệu đồng.

VIII. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT DÀNH CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ - MẪU SỐ 02/GTGT

1. Đối tượng áp dụng

- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới phát sinh thuế GTGT đầu vào nhưng dự án chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra thì NNT lập hồ sơ khai thuế GTGT riêng cho dự án đầu tư.

- Hồ sơ khai thuế GTGT tháng của dự án đầu tư bao gồm:

- + Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư - mẫu số 02/GTGT (xem phụ lục 8);
- + Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào - mẫu số 01-2/GTGT (xem phụ lục 3), dùng cho dự án đầu tư;
- + Các tài liệu giải trình kèm theo (nếu có).

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư – mẫu số 02/GTGT

- Mã số [01]: ghi rõ kỳ tính thuế tháng, năm nào.

- Các mã số từ [02] đến [09] ghi đầy đủ, chính xác theo tờ khai đăng ký thuế của NNT.

- Mã số [10]: **Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang”** -

Số thuế GTGT chưa được hoàn của kỳ tính thuế trước được ghi vào mã số [10] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này.

Chỉ tiêu “Kê khai thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư”:

- Mã số [11]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này lấy từ dòng tổng số của chỉ tiêu 4, cột 8 trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT) dùng cho dự án đầu tư.

- Mã số [12]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này lấy từ dòng tổng số của chỉ tiêu 4, cột 10 trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT) dùng cho dự án đầu tư.

- Các mã số [13], [14], [15] và [16]: Tạm thời chưa ghi.

Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”:

Nếu trong quá trình thực hiện phát hiện có sự sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế thì NNT lập hồ sơ khai thuế bổ sung.

Hồ sơ khai thuế bổ sung trong trường hợp này bao gồm Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư - mẫu số 02/GTGT và bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh - mẫu số 01/KHBS (xem phụ lục 14).

Khi phát hiện sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ khai thuế của dự án đầu tư, NNT lập bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh - mẫu số 01/KHBS và ghi rõ trên bản giải trình theo quy định.

Từ số liệu đã khai bổ sung trên bản giải trình, NNT khai bổ sung, điều chỉnh vào các mã số [17], [18], [19], [20] trên Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư - mẫu số 02/GTGT và gửi kịp thời cho cơ quan thuế theo quy định như hướng dẫn ở phần khai thuế bổ sung.

+ Trường hợp điều chỉnh giảm số thuế được hoàn và NNT đã lập hồ sơ hoàn thuế hoặc đã được hoàn thuế thì NNT phải lập hồ sơ khai thuế bổ sung và gửi cơ quan thuế khi phát hiện sai sót, nhằm lẫn đồng thời nộp đủ số thuế, tiền phạt vào ngân sách nhà nước (bao gồm cả số tiền phạt chậm nộp theo quy định). Cách lập hồ sơ khai thuế bổ sung tương tự hướng dẫn tại mục VI Phần B - Hướng dẫn lập bản Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (mẫu số 01/KHBS) ...

+ Trường hợp điều chỉnh tăng số thuế được hoàn thì lập hồ sơ bổ sung và điều chỉnh vào kỳ tính thuế tiếp theo. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào” - mã số [21]”:

$$[21] = [12] + [18]$$

Trường hợp giảm thuế đầu vào được khấu trừ, giảm thuế được hoàn, NNT đã lập hồ sơ hoàn thuế thì lập hồ sơ bổ sung riêng mà không điều chỉnh trên tờ khai 02/GTGT (như đã nêu ở trên).

Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa được hoàn đến kỳ kê khai của dự án đầu tư”:

1. Số thuế GTGT của dự án đầu tư đề nghị hoàn trong kỳ ghi vào mã số [23].

2. Thuế GTGT chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ ghi vào mã số [24]: là số thuế đến thời điểm bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập nhưng NNT chưa lập hồ sơ hoàn thuế.

3. Thuế GTGT chưa được hoàn chuyển kỳ sau ghi vào mã số [25]. Số tiền ghi vào ô này được xác định như sau:

Số thuế GTGT của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau mã số [25] bằng (=) số thuế GTGT chưa được hoàn đến kỳ kê khai [22] trừ (-) số thuế GTGT của dự án đầu tư đề nghị hoàn trong kỳ mã số [23] trừ (-) số thuế GTGT chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ mã số [24].

IX. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂNG LAI NGOẠI TỈNH

1. Đối tượng áp dụng

NNT có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai nhưng không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính.

NNT kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh thì khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 2% (đối với HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu HHDV chưa có thuế GTGT với chi cục thuế quản lý địa phương nơi kinh doanh, bán hàng.

Hồ sơ khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh là Tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 06/GTGT.

Hồ sơ khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh được nộp theo từng lần phát sinh doanh thu. Trường hợp phát sinh nhiều lần nộp hồ sơ khai thuế trong một tháng thì NNT có thể đăng ký với chi cục thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế để chuyển sang nộp hồ sơ khai thuế GTGT theo tháng.

Khi khai thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp, NNT phải tổng hợp doanh thu phát sinh và số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh trong hồ sơ khai thuế tại trụ sở chính. Số thuế đã nộp (theo chứng từ nộp tiền thuế) của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng văng lai ngoài tỉnh được trừ vào số thuế GTGT phải nộp theo tờ khai thuế GTGT của NNT tại trụ sở chính.

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế GTGT - mẫu số 06/GTGT

Chỉ tiêu 1 “Doanh số của HHDV chịu thuế GTGT”:

Chỉ tiêu “Doanh số của HHDV chịu thuế GTGT” trên Tờ khai thuế GTGT bao gồm doanh thu của HHDV chịu thuế GTGT và được ghi theo loại thuế suất 5% và 10%.

- Mã số [10] ghi doanh số của HHDV chịu thuế suất 5%.

- Mã số [11] ghi doanh số của HHDV chịu thuế suất 10%.

Chỉ tiêu 2 “Tỷ lệ (%) tạm nộp thuế GTGT tính trên doanh thu”:

Chỉ tiêu "Tỷ lệ % tạm nộp thuế tính trên doanh thu" là tỷ lệ (%) giữa thuế GTGT tạm nộp so với doanh thu của HHDV chịu thuế GTGT. Tỷ lệ này là 1% đối với HHDV chịu thuế suất 5% và 2% đối với HHDV chịu thuế suất 10%. Cơ sở kinh doanh phải ghi theo từng loại thuế suất như sau:

- Mã số [12] ghi tỷ lệ 1% tạm nộp tính trên doanh thu.
- Mã số [11] ghi tỷ lệ 2% tạm nộp tính trên doanh thu.

Chỉ tiêu 3 "Số thuế tạm tính phải nộp kỳ này":

Chỉ tiêu "Số thuế tạm tính phải nộp kỳ này" là số thuế GTGT tạm tính phải nộp của HHDV chịu thuế GTGT trong kỳ và được xác định bằng doanh số của HHDV chịu thuế GTGT trong kỳ nhân (x) với tỷ lệ tạm nộp trên doanh thu. Cơ sở kinh doanh phải ghi số thuế tạm tính phải nộp trong kỳ theo từng loại thuế suất thuế GTGT; Cụ thể như sau:

- Mã số [14] ghi số thuế GTGT tạm tính phải nộp kỳ này loại thuế suất 5%.

$$[14] = [10] \times 1\%$$

- Mã số [15] ghi số thuế GTGT tạm tính phải nộp kỳ này loại thuế suất 10%.

$$[15] = [11] \times 2\%$$

Chỉ tiêu "Tổng số thuế GTGT phải nộp" - mã số [16]:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu "Tổng số thuế phải nộp" là tổng số thuế tạm tính phải nộp kỳ này của HHDV chịu thuế suất 5% và số thuế tạm tính phải nộp kỳ này của HHDV chịu thuế suất 10%.

$$[16] = [14] + [15]$$

X. HƯỚNG DẪN KHAI THUẾ GTGT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Khai thuế GTGT đối với hoạt động đại lý

1.1 NNT là đại lý bán HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải khai thuế đối với doanh thu bán hàng đại lý và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng.

1.2 NNT là đại lý thu mua theo các hình thức phải khai thuế GTGT đối với hàng hoá thu mua đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng.

1.3 NNT là đại lý bán vé của dịch vụ bưu điện, xổ số, máy bay, ô tô, tàu hoả, tàu thuỷ hoặc bán bảo hiểm theo đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng thì không phải khai thuế GTGT đối với doanh thu dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng. NNT phải lập bảng kê 01-1/GTGT, 01-2/GTGT nhưng không phải đưa vào tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

1.4 NNT là đại lý bán HHDV thuộc diện không chịu thuế GTGT thì không phải khai thuế GTGT đối với doanh thu HHDV đó và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng. NNT lập bảng kê 01-1/GTGT, 01-2/GTGT nhưng không phải lấy số liệu đưa vào tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

2. NNT tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, NNT lập hồ sơ khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên GTGT (có tài liệu hướng dẫn riêng cho phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT)

3. NNT kinh doanh dịch vụ cho thuê tài chính

NNT không phải nộp Tờ khai thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê tài chính, mà chỉ nộp Bảng kê hoá đơn HHDV bán ra theo mẫu số 01-1/GTGT và Bảng kê hoá đơn HHDV mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT, trong đó chỉ tiêu thuế GTGT của HHDV mua vào chỉ ghi tiền thuế GTGT của tài sản cho thuê phân bổ phù hợp với hoá đơn GTGT lập cho doanh thu của dịch vụ cho thuê tài chính trong kỳ kê khai. NNT phải nộp hồ sơ khai thuế đối với các tài sản cho đơn vị khác thuê mua tài chính.

4. Khai thuế đối với cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu có nhập khẩu uỷ thác hàng hoá chịu thuế GTGT

Cơ sở nhận nhập khẩu uỷ thác hàng hoá chịu thuế GTGT không phải khai thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu uỷ thác nhưng phải kê khai riêng phần hoá đơn lập cho hàng hoá nhập khẩu uỷ thác đã trả cho cơ sở đi uỷ thác nhập khẩu trong Bảng kê hoá đơn GTGT bán ra theo mẫu số 01-1/GTGT và lập bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào mẫu số 01-2/GTGT ban hành theo Thông tư này và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5. Việc lập các Bảng kê HHDV mua vào, bán ra kèm theo Tờ khai thuế hàng tháng gửi cho cơ quan thuế trong một số trường hợp được thực hiện như sau:

- Đối với HHDV bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng như: điện, nước, xăng dầu, dịch vụ bưu điện, dịch vụ khách sạn, ăn uống, vận chuyển hành khách, kinh doanh vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và bán lẻ HHDV tiêu dùng khác thì được kê khai tổng hợp doanh số bán lẻ, không phải kê khai theo từng hoá đơn khi lập bảng kê mẫu số 01-1/GTGT.

- Đối với HHDV mua lẻ, bảng kê tổng hợp được lập theo từng nhóm mặt hàng, dịch vụ cùng thuế suất, không phải kê chi tiết theo từng hoá đơn khi lập bảng kê mẫu số 01-2/GTGT.

- Đối với cơ sở kinh doanh ngân hàng có các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại cùng địa phương thì các đơn vị phụ thuộc phải lập Bảng kê HHDV mua vào, bán ra để lưu tại cơ sở chính. Khi tổng hợp lập Bảng kê HHDV mua vào, bán ra, cơ sở chính chỉ tổng hợp theo số tổng hợp trên Bảng kê của các đơn vị phụ thuộc, không phải kê khai theo từng hoá đơn.

PHẦN C: HƯỚNG DẪN NỘP THUẾ GTGT

I. THỜI HẠN NỘP THUẾ

NNT có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào ngân sách Nhà nước.

1. Trường hợp NNT tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Cụ thể :

- Thời hạn nộp thuế tháng chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế

- Thời hạn nộp thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ mười kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế

2. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế. Trường hợp này thời hạn nộp thuế đã được ghi cụ thể trên thông báo của cơ quan thuế. NNT căn cứ thời hạn này để thực hiện.

II. ĐỒNG TIỀN NỘP THUẾ

1. Đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam

2. Trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ :

- NNT chỉ được nộp thuế bằng các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Số ngoại tệ nộp thuế được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước công bố có hiệu lực tại thời điểm tiền thuế được nộp vào Kho bạc Nhà nước.

- Việc quản lý ngoại tệ nộp thuế thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính

III. ĐỊA ĐIỂM NỘP THUẾ

NNT có thể nộp thuế tại các địa điểm sau:

- Tại Kho bạc Nhà nước;

- Tại cơ quan thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế;

- Thông qua tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế;

- Thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.

IV. THỦ TỤC NỘP THUẾ

Cơ quan thuế cấp chứng từ và hướng dẫn cách lập chứng từ nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước cho NNT đối với từng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản. NNT phải ghi đầy đủ, chi tiết các thông tin trên chứng từ nộp tiền thuế do Bộ Tài chính quy định.

1. Trường hợp NNT nộp bằng tiền mặt

- Trường hợp NNT đến nộp tiền trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước phải xác nhận trên chứng từ nộp thuế về số thuế đã thu.

- Trường hợp NNT nộp bằng tiền mặt tại cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế: các tổ chức, cá nhân khi nhận tiền thuế phải cấp cho NNT chứng từ thu tiền thuế theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản

Ngân hàng, tổ chức tín dụng thực hiện trích chuyển tiền từ tài khoản của NNT vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước phải xác nhận trên chứng từ nộp tiền thuế của NNT. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phải phản ánh đầy đủ các nội dung của chứng từ nộp tiền thuế trên chứng từ phục hồi gửi Kho bạc Nhà nước nơi thu Ngân sách Nhà nước.

V. THỨ TỰ THANH TOÁN TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT

1. Trường hợp NNT vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì NNT phải ghi rõ trên chứng từ nộp tiền thuế, tiền phạt theo trình tự sau đây: tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt.

Trong mỗi loại tiền thuế, tiền phạt, thứ tự thanh toán được thực hiện theo thứ tự thời gian phát sinh của từng khoản tiền thuế, tiền phạt.

Khi nộp thuế, Kho bạc Nhà nước căn cứ chứng từ nộp tiền thuế để hạch toán thu Ngân sách Nhà nước và thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp NNT nộp tiền không đúng trình tự trên thì cơ quan thuế lập lệnh điều chỉnh khoản thuế đã thu, gửi Kho bạc Nhà nước để điều chỉnh, đồng thời thông báo cho NNT biết về số tiền thuế, tiền phạt được điều chỉnh.

Trường hợp NNT không ghi cụ thể trên chứng từ nộp tiền số tiền nộp cho từng khoản thì cơ quan thuế hạch toán số tiền thuế đã thu theo thứ tự thanh toán nêu trên, đồng thời thông báo cho Kho bạc Nhà nước biết để hạch toán thu Ngân sách Nhà nước và thông báo cho NNT biết theo mẫu 01/NOPT ban hành kèm theo thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính.

2. Các khoản tiền thuế đều phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. Kho bạc Nhà nước ghi thu Ngân sách Nhà nước và luân chuyển chứng từ, thông tin chi tiết các khoản nộp cho cơ quan thuế biết để theo dõi và quản lý.

Các khoản tiền truy thu thuế, phạt chậm nộp tiền thuế, phạt trốn thuế, gian lận thuế và phạt vi phạm thủ tục hành chính thuế được nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan thuế mở tại Kho bạc Nhà nước. Cơ quan thuế chuyển tiền từ tài khoản tạm giữ vào Ngân sách Nhà nước theo các quyết định đã hết thời hiệu khiếu nại.

VI. XÁC ĐỊNH NGÀY ĐÃ NỘP THUẾ

Ngày đã nộp thuế được xác định là ngày:

- Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận trên Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước bằng chuyển khoản trong trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản.

- Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế hoặc tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế xác nhận việc thu tiền trên chứng từ thu thuế bằng tiền mặt.

VII. GIA HẠN NỘP THUẾ

1. Trường hợp được gia hạn nộp thuế

NNT được gia hạn nộp thuế, nộp phạt đối với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ nếu không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong các trường hợp sau đây :

1.1. Bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ làm thiệt hại vật chất và không có khả năng nộp thuế đúng hạn ;

1.2. Di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà phải ngừng hoạt động hoặc giảm sản xuất, kinh doanh, tăng chi phí đầu tư ở nơi sản xuất, kinh doanh mới ;

1.3. Do chính sách của Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của NNT ;

1.4. Gặp khó khăn đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Phạm vi số tiền thuế, tiền phạt được gia hạn nộp

2.1. NNT gặp khó khăn theo quy định tại điểm 1.1 mục này thì được gia hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền thuế, tiền phạt còn nợ tính đến thời điểm xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ.

2.2. NNT gặp khó khăn theo quy định tại điểm 1.2, điểm 1.3 và điểm 1.4 mục này thì được gia hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền thuế, tiền phạt phát sinh do các nguyên nhân nêu tại các điểm đó.

3. Thời gian gia hạn nộp thuế

3.1. Thời gian gia hạn nộp thuế tối đa không quá hai năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp theo quy định tại điểm 1.1 mục này.

- Nếu tài sản của NNT thiệt hại đến 50% thì gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt tương ứng với tỷ lệ thiệt hại trong thời hạn một năm.

- Nếu tài sản của NNT thiệt hại trên 50% đến 70% thì gia hạn nộp toàn bộ số tiền thuế, tiền phạt trong thời hạn một năm.

- Nếu tài sản của NNT thiệt hại trên 70% thì gia hạn nộp thuế toàn bộ số tiền thuế, tiền phạt phải nộp trong thời hạn hai năm.

3.2. Thời hạn gia hạn nộp thuế tối đa không quá một năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp theo quy định tại điểm 1.2, điểm 1.3 và điểm 1.4 mục này.

4. Thủ tục gia hạn nộp thuế

4.1. NNT phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ bao gồm :

- Văn bản đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt theo mẫu số 02/NOPT ban hành kèm theo thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính. Trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn nộp thuế, số tiền thuế, tiền phạt đề nghị gia hạn, thời hạn đề nghị gia hạn, kế hoạch và cam kết việc nộp số tiền thuế, tiền phạt;

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn nộp thuế.

+ Đối với trường hợp bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có : Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính ; văn bản xác nhận của chính quyền cấp xã nơi xảy ra sự việc thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ.

+ Đối với trường hợp di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải có Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di chuyển địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

4.2. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế của NNT, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực tế khó khăn của NNT để ra văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế.

Văn bản chấp thuận đề nghị gia hạn nộp thuế theo mẫu số 03/NOPT ban hành kèm theo Thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính.

Văn bản không chấp thuận đề nghị gia hạn nộp thuế theo mẫu số 04/NOPT ban hành kèm theo Thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính.

Trường hợp hồ sơ gia hạn nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý thuế phải thông báo bằng văn bản cho NNT hoàn chỉnh hồ sơ. NNT phải hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ của cơ quan quản lý thuế ; nếu NNT không hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì không được gia hạn nộp thuế.

4.3. Đối với trường hợp đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt quy định tại điểm 1.4 mục này, cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiếp nhận hồ sơ xin gia hạn của NNT, sau đó chuyển hồ sơ xin gia hạn lên cơ quan thuế cấp trên để trình Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, NNT không bị phạt hành chính về hành vi chậm nộp tiền thuế đối với số tiền thuế được gia hạn. Khi hết thời gian gia hạn nộp thuế, NNT phải nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước theo quy định ; nếu không nộp thuế thì NNT sẽ bị xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật thuế hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

VIII. XỬ LÝ SỐ TIỀN THUẾ NỘP THỪA

1. Tiền thuế được coi là nộp thừa khi

- NNT có số tiền thuế đã nộp lớn hơn số tiền thuế phải nộp
- NNT có số tiền thuế được hoàn theo quy định của pháp luật về thuế

GTGT

2. NNT có thể giải quyết số tiền thuế nộp thừa theo các cách sau

- Bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, kể cả bù trừ giữa các loại thuế với nhau
- Trừ vào số tiền thuế phải nộp của lần nộp tiếp theo
- Hoàn trả khi NNT không còn nợ tiền thuế, tiền phạt

Trường hợp tiền thuế nộp thừa được để lại trừ vào số tiền thuế phải nộp của lần tiếp theo trong cùng một loại thuế thì được thực hiện tự động trong hệ thống quản lý của cơ quan thuế, NNT không phải làm thủ tục bù trừ.

Trường hợp bù trừ giữa các loại tiền thuế, tiền phạt khác nhau hoặc hoàn thuế thì NNT phải thực hiện theo thủ tục hoàn thuế, bù trừ thuế theo quy định. Khi bù trừ thuế, cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế và lệnh thu thuế cho các khoản tiền thuế, tiền phạt theo thứ tự quy định.

IX. MỤC LỤC NGÂN SÁCH

Về chương, loại khoản, ghi theo mục lục ngân sách của NNT ;

Về mục và tiểu mục đối với thuế GTGT là :

Mục 014 : Thuế GTGT

- Tiểu mục 01 : thuế GTGT hàng SXKD trong nước ;
- Tiểu mục 02 : thuế GTGT hàng nhập khẩu (trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu qua biên giới đất liền) ;
- Tiểu mục 03 : thuế GTGT hàng nhập khẩu qua biên giới đất liền ;
- Tiểu mục 04 : thu nợ thuế doanh thu ;
- Tiểu mục 99 : thuế GTGT khác.

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GTGT VÀ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Luật thuế GTGT 02/1997/QH9 ngày 10/05/1997;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 07/2003/QH11 ngày 17/06/2003;
3. Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;
4. Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;
5. Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;
6. Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/08/2004 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;
7. Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;
8. *Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT*
9. Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán;

10. Quyết định số 2476/QĐ-BTC ngày 25/7/2007 của Bộ Tài chính về việc đính chính thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

11. Công văn số 3267/TCT- CS ngày 14/8/2007 của Tổng cục Thuế về việc hướng dẫn áp dụng mẫu tờ khai thuế GTGT thực hiện theo Luật Quản lý thuế;

12. Công văn số 4247/TCT-CS ngày 11/11/2008 của Tổng cục Thuế về việc hướng dẫn khai bổ sung, điều chỉnh thuế GTGT theo công văn số 3267/TCT-CS ngày 14/8/2007

13. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

14. Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

15. Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/06/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

16. Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

16. Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý vi phạm pháp luật thuế./.